

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Nghị quyết quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, Trung tâm giáo dục thường xuyên, các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và học viên đang theo học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông

1. Vùng 1, gồm có: Thành phố Hòa Bình và huyện Lương Sơn.

Cấp học		Vùng	Mức học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	59.000
	Mẫu giáo	Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	58.000
	Nhà trẻ	Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	55.000
	Mẫu giáo	Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	54.000
	Nhà trẻ	Các xã thuộc huyện Lương Sơn	53.000
	Mẫu giáo	Các xã thuộc huyện Lương Sơn	53.000
Trung học cơ sở (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	55.000
		Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	54.000
		Các xã thuộc huyện Lương Sơn	53.000
Trung học phổ thông (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	106.000
		Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	105.000
		Các xã thuộc huyện Lương Sơn	104.000

2. Vùng 2, bao gồm các huyện: Cao Phong, Tân Lạc, Yên Thủy, Lạc Thủy.

Cấp học		Vùng	Mức học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Thị trấn	54.000
	Mẫu giáo	Thị trấn	53.000
	Nhà trẻ	Các xã	52.000
	Mẫu giáo	Các xã	52.000
Trung học cơ sở (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	53.000
		Các xã	52.000
Trung học phổ thông (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	103.000
		Các xã	102.000

3. Vùng 3, bao gồm các huyện: Lạc Sơn, Kim Bôi, Mai Châu; Đà Bắc.

Cấp học		Vùng	Mức học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Thị trấn	52.000
	Mẫu giáo	Thị trấn	51.000
	Nhà trẻ	Các xã	50.000
	Mẫu giáo	Các xã	50.000
Trung học cơ sở (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	51.000
		Các xã	50.000
Trung học phổ thông (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	101.000
		Các xã	100.000

4. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 7 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Văn phòng Quốc hội;
- Chính phủ; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: GD&ĐT; Tài chính;
- Vụ pháp chế Bộ GD&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐ và CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND (Tu).

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình